

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Năm.

Bà Lê Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 450/2019/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Kim C, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KB, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Châu Nghĩa Q, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KB, huyện TT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Kim C trình bày: Bà và ông Châu Nghĩa Q tự nguyện kết hôn vào năm 1984 và đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà C cho rằng do kinh tế khó khăn, bà thì lo làm ăn nhưng ngược lại ông Q không lo làm, thường xuyên nhậu nhẹt, lãng nhăng bên ngoài, khi bà nhắc nhở thì bị ông Q nhiều lần đánh đập nên ly thân hơn 10 năm. Nay bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, sống không hạnh phúc nên xin ly hôn với ông Q.

Quá trình chung sống bà và ông Q có 03 con chung tên Châu Kim H, sinh năm 1984, Châu Trường G, sinh năm 1985 và Châu Hồng T, sinh năm 1988. Các

con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Tại biên bản ngày 07/8/2019 ông Châu Nghĩa Q yêu cầu Tòa án ghi nhận ý kiến của ông như sau: Ông không đồng ý ly hôn với bà Huỳnh Kim C và xin vắng mặt, không tham gia hòa giải, xét xử trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Q yêu cầu xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông Q tự nguyện kết hôn vào năm 1984 và đến nay không đăng ký kết hôn, căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 của Quốc hội thì mối quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà C cho rằng do kinh tế khó khăn, bà thì lo làm nhưng ngược lại ông Q không lo làm, thường xuyên nhậu nhẹt, lăng nhăng bên ngoài, khi bà nhắc nhở thì bị ông Q nhiều lần đánh đập. Do đó, bà và ông Q đã sống ly thân hơn 10 năm. Nay bà xác định tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q có ý kiến không đồng ý ly hôn với bà C, ngoài ra không gửi văn bản hay ý kiến trình bày đối với các nguyên nhân mâu thuẫn do bà C đặt ra và từ chối tham gia hòa giải, xét xử trong vụ án. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn và ly thân hơn 10 năm theo bà C trình bày là có cơ sở; ông Q từ chối không tham gia hòa giải và xét xử là không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau Ca sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Bà C và ông Q không chung sống với nhau, cả hai đều không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng và tình cảm của ông bà không còn. Từ các căn cứ trên, xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà C với ông Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là đúng quy định pháp luật.

[3] Bà C xác định quá trình chung sống có 03 con nhưng đã trưởng thành, có gia đình riêng; tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Q không có yêu cầu đặt ra về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà C. Cho bà Huỳnh Kim C được ly hôn với ông Châu Nghĩa Q.

- Án phí hôn nhân gia đình bà C phải chịu 300.000 đồng, bà đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0003390 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời nay được chuyển thu, bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên